

THÔNG KÊ ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023-2025*(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2023-2025)*

| Số TT | Tên ĐVHC | Thuộc ĐVHC cấp huyện | Khu vực miền núi, vùng cao | Khu vực hải đảo | Dân tộc thiểu số (người) | | Yếu tố đặc thù khác (nếu có) | Diện tích tự nhiên (km ²) | | Quy mô dân số (người) | |
|----------|---------------|----------------------|----------------------------|-----------------|--------------------------|------------------------------|---|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|-----------------------------|
| | | | | | Số người | Tỷ lệ (%) so với tổng dân số | | Diện tích | Tỷ lệ (%) so với tiêu chuẩn | Quy mô dân số | Tỷ lệ (%) so với tiêu chuẩn |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| I | Các xã | | | | | | | | | | |
| 1 | Xã Hồng Lạc | Sơn Dương | x | | 406 | 6,72 | Không có ưu tiên | 9,76 | 19,52 | 6.038 | 120,76 |
| 2 | Xã Vân Sơn | Sơn Dương | x | | 1.335 | 37,73 | Theo Khoản 1 Điều 3a Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13 (bản hợp nhất) | 9,59 | 19,18 | 3.538 | 70,76 |

Ghi chú:

Khoản 1 Điều 3a Nghị quyết số 1211/2016/NQUBTVQH ngày 25/5/2016 (bản hợp nhất) của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính "1. Đơn vị hành chính nông thôn có 30% dân số là người dân tộc thiểu số ở miền núi, vùng cao hoặc có đường biên giới quốc gia thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định đối với đơn vị hành chính nông thôn tương ứng; cứ thêm 10% dân số là người dân tộc thiểu số thì được giảm thêm 5% nhưng tối thiểu phải đạt 20% mức quy định đối với đơn vị hành chính nông thôn tương ứng; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Mục này"